

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>178.640.286.065</b>	<b>197.901.668.122</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.902.101.683	53.257.834.589
111	1. Tiền		30.902.101.683	53.257.834.589
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.000.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.609.647.713	94.816.746.618
131	1. Phải thu của khách hàng		73.405.423.947	68.703.891.747
132	2. Trả trước cho người bán		20.142.822.700	22.403.874.000
135	5. Các khoản phải thu khác	5	4.061.401.066	3.708.980.871
140	IV. Hàng tồn kho	6	27.749.515.154	28.329.800.882
141	1. Hàng tồn kho		27.749.515.154	28.329.800.882
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.379.021.515	21.497.286.033
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		334.938.918	376.895.616
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.367.128	14.304.283
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		97.701.331	16.118.832
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	19.934.014.138	21.089.967.302
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>32.221.737.464</b>	<b>35.330.188.684</b>
220	II. Tài sản cố định		24.711.138.604	26.504.794.610
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	24.235.436.104	26.504.794.610
222	- Nguyên giá		40.853.274.250	39.933.448.013
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.617.838.146)	(13.428.653.403)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	475.702.500	-
228	- Nguyên giá		543.660.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(67.957.500)	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	7.257.784.306	8.485.234.306
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.186.000.000	5.413.450.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.050.000.000	1.050.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2.021.784.306	2.021.784.306
260	V. Tài sản dài hạn khác		252.814.554	340.159.768
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	252.814.554	340.159.768
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>210.862.023.529</b>	<b>233.231.856.806</b>

10  
IQ  
HIỆP  
VỤ  
HÌNH  
KIỂM  
TÍNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>150.190.392.931</b>	<b>172.327.688.818</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>145.836.974.285</b>	<b>170.347.361.090</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	3.531.922.838	9.313.848.215
312	2. Phải trả người bán		10.207.136.655	10.544.920.264
313	3. Người mua trả tiền trước		51.405.805.371	85.036.418.848
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.819.818.102	8.710.669.494
315	5. Phải trả người lao động		42.313.641.816	37.779.481.407
316	6. Chi phí phải trả	14	13.210.704.471	10.006.394.790
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	16.052.935.386	7.894.973.178
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.295.009.646	1.060.654.894
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.353.418.646</b>	<b>1.980.327.728</b>
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		4.353.418.646	1.980.327.728
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>60.671.630.598</b>	<b>60.904.167.988</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>60.671.630.598</b>	<b>60.904.167.988</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4.810.799.328	2.739.381.328
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.062.944.382	1.372.471.382
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.797.886.888	12.792.315.278
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>210.862.023.529</b>	<b>233.231.856.806</b>

C.T.  
 Y  
 ĐU HẠ  
 U V  
 TỐÁN  
 TOÁN  
 M-T

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	31/12/2012	01/01/2012
	minh		
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		101,768	120,926



*Phan Kim Yến*

Nguyễn Ngọc Lâm  
Tổng Giám đốc

Phan Kim Yến  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		158.025.185.952	175.733.724.326
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	310.789.673
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	158.025.185.952	175.422.934.653
11	4. Giá vốn hàng bán	18	132.614.151.395	143.625.590.115
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.411.034.557	31.797.344.538
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	4.227.398.688	3.472.675.097
22	7. Chi phí tài chính	20	1.945.811.117	359.822.791
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.777.547.401	270.868.334
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		15.527.071.891	18.171.670.255
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.165.550.237	16.738.526.589
31	11. Thu nhập khác	21	1.642.938.113	1.497.959.279
32	12. Chi phí khác		66.597.794	404.204.500
40	13. Lợi nhuận khác		1.576.340.319	1.093.754.779
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.741.890.556	17.832.281.368
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	3.153.325.444	4.022.826.150
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.588.565.112</u>	<u>13.809.455.218</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.406	3.139



Nguyễn Ngọc Lâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Phan Kim Yến  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.741.890.556	17.832.281.368
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.303.630.210	3.733.503.306
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(349.115.498)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.117.398.688)	(3.052.160.287)
06	- Chi phí lãi vay		1.777.547.401	270.868.334
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.705.669.479	18.435.377.223
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.394.775.275)	(18.140.452.831)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		580.285.728	(7.770.477.437)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(19.599.527.055)	22.131.712.020
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		129.301.912	100.603.281
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.781.173.151)	(6.470.833)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.079.307.642)	(3.951.143.466)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		105.825.608	1.375.092.454
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.737.555.817)	(3.392.154.011)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.071.256.213)	8.782.086.400
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.509.974.204)	(865.047.545)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.000.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(700.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.764.500.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.258.530.688	3.052.160.287
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.513.056.484	1.487.112.742
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		11.210.891.968	9.313.848.215
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(16.992.817.345)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.015.607.800)	(6.330.933.633)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.797.533.177)	2.982.914.582
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.355.732.906)	13.252.113.724

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		53.257.834.589	39.656.605.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	349.115.498
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>30.902.101.683</u>	<u>53.257.834.589</u>



*Phan Kim Yên*

Nguyễn Ngọc Lâm  
Tổng Giám đốc

Phan Kim Yên  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

35-C.  
TY  
HỮU H  
TƯ V  
KẾ TOÁN  
TOÁN  
M-TY

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Trụ sở chính của Công ty: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tầng 6, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 12)	Tầng 4, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Công ty Tư vấn 13 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 13)	Tầng 5, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Số 95/8/116, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Bắc Ninh (HEC 15)	Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Số 100, Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Số 107, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 61/33 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Số 52, Đường Đống Đa, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Lào	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng HEC	Số 287, Phố Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Số 44, Đường Võ Thị Sáu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Công ty CP tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	Số 30 Đường Trịnh Phong, Phường Phước Tiến, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Phường Trung Sơn, Thị xã Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
  - In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
  - Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
  - Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
  - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
  - Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
  - Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
  - Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
  - Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
  - Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
  - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
  - Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
  - Thiết kế bao gồm: Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;
  - Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
  - Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.





### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

01  
HỮU  
TƯ  
KẾ  
EM T  
VKP

### Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.445.888.589	4.112.407.663
Tiền gửi ngân hàng	29.456.213.094	49.145.426.926
	<b>30.902.101.683</b>	<b>53.257.834.589</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	2.000.000.000	-
	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>

Khoản tiền cho Cho Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2 vay căn cứ vào Hợp đồng vay vốn ngày 07/01/2012, lãi suất 1,5%/ tháng với kỳ hạn 12 tháng.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về người lao động	14.623.200	141.196.544
Phải thu về bảo hiểm xã hội	187.805.010	172.441.038
Phải thu về bảo hiểm y tế	171.903.695	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	321.818.000	-
Phải thu thuế TNCN	123.331.145	82.884.460
Phải thu đề tài khoa học	-	22.500.000
Phải thu Công ty CP Cơ khí và Xây dựng HEC	1.528.699.051	1.153.499.051
Phải thu khác	1.713.220.965	2.136.459.778
	<b>4.061.401.066</b>	<b>3.708.980.871</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.913.683.749	1.896.679.506
Công cụ, dụng cụ	86.943.088	150.624.226
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.748.888.317	26.282.497.150
	<b>27.749.515.154</b>	<b>28.329.800.882</b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	19.934.014.138	21.089.967.302
	<b>19.934.014.138</b>	<b>21.089.967.302</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	20.352.398.323	9.286.796.557	8.010.195.632	2.031.910.412	252.147.089	39.933.448.013
Số tăng trong năm	442.419.999	318.500.000	44.696.000	118.327.205	42.371.000	966.314.204
- Mua sắm mới	442.419.999	318.500.000	44.696.000	118.327.205	42.371.000	966.314.204
Số giảm trong năm	-	(624.915.175)	-	578.427.208	-	(46.487.967)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(46.487.967)	-	(46.487.967)
- Điều chỉnh do phân loại lại	-	(624.915.175)	-	624.915.175	-	-
Số dư cuối năm	20.794.818.322	8.980.381.382	8.054.891.632	2.728.664.825	294.518.089	40.853.274.250
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	2.637.565.976	5.071.956.217	3.580.848.447	1.935.459.351	202.823.412	13.428.653.403
Số tăng trong năm	743.173.849	1.195.493.982	923.655.230	337.051.909	36.297.740	3.235.672.710
- Trích khấu hao	743.173.849	1.150.825.874	923.655.230	381.720.017	36.297.740	3.235.672.710
- Điều chỉnh do phân loại lại	-	44.668.108	-	(44.668.108)	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	(46.487.967)	-	(46.487.967)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(46.487.967)	-	(46.487.967)
Số dư cuối năm	3.380.739.825	6.267.450.199	4.504.503.677	2.226.023.293	239.121.152	16.617.838.146
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	17.714.832.347	4.214.840.340	4.429.347.185	96.451.061	49.323.677	26.504.794.610
Số dư cuối năm	17.414.078.497	2.712.931.183	3.550.387.955	502.641.532	55.396.937	24.235.436.104

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kỹ thuật	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	543.660.000	543.660.000
- Mua sắm mới	543.660.000	543.660.000
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>543.660.000</u>	<u>543.660.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	67.957.500	67.957.500
- Trích khấu hao	67.957.500	67.957.500
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>67.957.500</u>	<u>67.957.500</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	<u><u>475.702.500</u></u>	<u><u>475.702.500</u></u>

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>4.186.000.000</b>	<b>5.413.450.000</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng HEC	-	1.227.450.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	2.507.000.000
- Công ty CP tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	1.679.000.000	1.679.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>1.050.000.000</b>	<b>1.050.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	1.050.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>2.021.784.306</b>	<b>2.021.784.306</b>
	<u><u>7.257.784.306</u></u>	<u><u>8.485.234.306</u></u>

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Tỉnh Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty CP tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	Tỉnh Khánh Hòa	58,80%	58,80%	Tư vấn, thiết kế xây dựng



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Tỉnh Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	1.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Tư vấn Công trình Châu Á-Thái Bình Dương	1.021.784.306	1.021.784.306
	<b>2.021.784.306</b>	<b>2.021.784.306</b>

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	252.814.554	340.159.768
	<b>252.814.554</b>	<b>340.159.768</b>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.531.922.838</b>	<b>9.313.848.215</b>
- Vay ngân hàng	-	2.662.848.215
- Vay cá nhân <sup>(1)</sup>	3.531.922.838	6.651.000.000
	<b>3.531.922.838</b>	<b>9.313.848.215</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Các hợp đồng tín dụng vay vốn với cá nhân, với các điều khoản cụ thể như sau:

- + Hạn mức tín dụng: vay theo món;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng;
- + Lãi suất cho vay: đang áp dụng là 13 % đến 18%/năm.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.399.284.138	5.288.843.176
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.931.849.000	2.857.831.198
Thuế Thu nhập cá nhân	206.156.100	267.789.879
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	239.548.683	239.548.683
Các loại thuế khác	42.980.181	56.656.558
	<b>4.819.818.102</b>	<b>8.710.669.494</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí cho các công trình	13.156.051.471	9.948.116.040
Chi phí lãi vay phải trả	54.653.000	58.278.750
	<b>13.210.704.471</b>	<b>10.006.394.790</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.753.656.599	2.411.262.199
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.671.043.917	526.651.717
Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	2.220.060.095	1.860.974.875
Lãi vay phải trả	-	206.118.751
Phải trả, phải nộp khác	7.408.174.775	2.889.965.636
	<b>16.052.935.386</b>	<b>7.894.973.178</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>NĂM 2011</b>												
Số dư đầu năm	44.000.000.000		155.199.185		1.569.042.328		787.302.382		9.838.600.454		56.350.144.349	
Lãi/lỗ trong năm	-		-		-		-		13.809.455.218		13.809.455.218	
Phân phối lợi nhuận	-		-		1.170.339.000		585.169.000		(4.255.740.394)		(2.500.232.394)	
Chi trả cổ tức	-		-		-		-		(6.600.000.000)		(6.600.000.000)	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-		(155.199.185)		-		-		-		(155.199.185)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.000.000.000</b>		-		<b>2.739.381.328</b>		<b>1.372.471.382</b>		<b>12.792.315.278</b>		<b>60.904.167.988</b>	
<b>NĂM 2012</b>												
Lãi/lỗ trong năm	-		-		-		-		10.588.565.112		10.588.565.112	
Phân phối lợi nhuận	-		-		2.071.418.000		690.473.000		(12.792.315.278)		(10.030.424.278)	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi các Chi nhánh	-		-		-		-		(790.678.224)		(790.678.224)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.000.000.000</b>		-		<b>4.810.799.328</b>		<b>2.062.944.382</b>		<b>9.797.886.888</b>		<b>60.671.630.598</b>	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26 tháng 04 năm 2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%		VND	
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%		13.809.455.218	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%		2.071.418.000	
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%		690.473.000	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35,39%		4.887.564.218	
Chi trả cổ tức (bằng 14 % vốn điều lệ)	44,61%		6.160.000.000	

( Trong đó số đã tạm trích năm 2011 là 1.017.139.940 đồng)



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	49,00%	21.560.000.000	49,00%	21.560.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	51,00%	22.440.000.000	51,00%	22.440.000.000
	<b>100%</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>44.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.160.000.000	6.600.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	6.160.000.000	6.600.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.810.799.328	2.739.381.328
Quỹ dự phòng tài chính	2.062.944.382	1.372.471.382
	<b>6.873.743.710</b>	<b>4.111.852.710</b>

**TÔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**17 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	158.025.185.952	175.422.934.653
	<b><u>158.025.185.952</u></b>	<b><u>175.422.934.653</u></b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	132.614.151.395	143.625.590.115
	<b><u>132.614.151.395</u></b>	<b><u>143.625.590.115</u></b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.254.014.088	1.311.183.517
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.647.050.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.326.334.600	1.740.976.770
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	71.399.312
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	349.115.498
	<b><u>4.227.398.688</u></b>	<b><u>3.472.675.097</u></b>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.777.547.401	270.868.334
Chi phí thanh lý khoản đầu tư	110.000.000	-
Chi phí tài chính khác	58.263.716	88.954.457
	<b><u>1.945.811.117</u></b>	<b><u>359.822.791</u></b>

**21 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	1.488.044.371	940.075.854
Thu nhập khác	154.893.742	557.883.425
	<b><u>1.642.938.113</u></b>	<b><u>1.497.959.279</u></b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.741.890.556	17.832.281.368
Các khoản điều chỉnh tăng	197.745.821	-
- Chi phí không hợp lệ	197.745.821	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.326.334.600)	(1.740.976.770)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.326.334.600)	(1.740.976.770)
Tổng thu nhập tính thuế	12.613.301.777	16.091.304.598
- Thu nhập tính thuế còn lại	12.613.301.777	16.091.304.598
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	3.153.325.444	4.022.826.150
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.153.325.444</b>	<b>4.022.826.150</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	789.355.536
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.857.831.198	1.996.792.978
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.079.307.642)	(3.951.143.466)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>1.931.849.000</b>	<b>2.857.831.198</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.588.565.112	13.809.455.218
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.588.565.112	13.809.455.218
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.400.000	4.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.406</b>	<b>3.139</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.332.945.866	8.714.192.202
Chi phí nhân công	69.498.193.935	73.059.525.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.303.630.210	3.895.606.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.191.000.952	39.538.639.891
Chi phí khác bằng tiền	29.815.452.323	29.831.527.646
<b></b>	<b>148.141.223.286</b>	<b>155.039.491.215</b>

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.902.101.683	-	53.257.834.589	-
Phải thu khách hàng	73.405.423.947	-	68.703.891.747	-
Phải thu khác	4.061.401.066	-	3.708.980.871	-
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	2.021.784.306	-	2.021.784.306	-
	<b>112.390.711.002</b>	<b>-</b>	<b>127.692.491.513</b>	<b>-</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3.531.922.838	9.313.848.215
Phải trả người bán	10.207.136.655	10.544.920.264
Chi phí phải trả	13.210.704.471	10.006.394.790
Phải trả khác	16.052.935.386	7.894.973.178
	<b>43.002.699.350</b>	<b>37.760.136.447</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.902.101.683	-	-	30.902.101.683
Phải thu khách hàng	73.405.423.947	-	-	73.405.423.947
Phải thu khác	4.061.401.066	-	-	4.061.401.066
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	-	2.021.784.306
	<b>110.368.926.696</b>	<b>2.021.784.306</b>	<b>-</b>	<b>112.390.711.002</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.257.834.589	-	-	53.257.834.589
Phải thu khách hàng	68.703.891.747	-	-	68.703.891.747
Phải thu khác	3.708.980.871	-	-	3.708.980.871
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	-	2.021.784.306
	<b>125.670.707.207</b>	<b>2.021.784.306</b>	<b>-</b>	<b>127.692.491.513</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	3.531.922.838	-	-	3.531.922.838
Phải trả người bán	10.207.136.655	-	-	10.207.136.655
Chi phí phải trả	13.210.704.471	-	-	13.210.704.471
Phải trả khác	16.052.935.386	-	-	16.052.935.386
	<u>43.002.699.350</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>43.002.699.350</u>
<b>Tại 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	9.313.848.215	-	-	9.313.848.215
Phải trả người bán	10.544.920.264	-	-	10.544.920.264
Chi phí phải trả	10.006.394.790	-	-	10.006.394.790
Phải trả khác	7.894.973.178	-	-	7.894.973.178
	<u>37.760.136.447</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>37.760.136.447</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.284.000.000	1.477.000.000

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



*Phan Kim Yên*

Nguyễn Ngọc Lâm  
Tổng Giám đốc

Phan Kim Yên  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013